

THƯ MỜI BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Kính gửi: Quý Công ty

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên có nhu cầu mua sắm dịch vụ cụ thể như sau:

1. Tên hàng dịch vụ: Xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI
2. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn
4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ
5. Phí mua Yêu cầu báo giá: Hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí trên Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (<https://cns.com.vn>) ngay sau khi đăng tải thông báo yêu cầu chào hàng cạnh tranh, thông báo mời tham gia.
6. Phát hành Yêu cầu báo giá: từ ngày 30/12/2025 đến 16 giờ 30 ngày 14/01/2026.
Tại: Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên: <https://cns.com.vn> và email khoana@cns.com.vn.
7. Hạn chót nhà thầu nộp Hồ sơ báo giá: 16 giờ 30 ngày 14/01/2026.
8. Thời gian mở Hồ sơ báo giá: ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mọi chi tiết về thông tin chào hàng cạnh tranh rút gọn dịch vụ trên vui lòng liên hệ: Ông Nguyễn Anh Khoa – Văn phòng Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên, số điện thoại: 0933237817, địa chỉ Email: khoana@cns.com.vn.

Trân trọng./

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Dương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 489.598.949 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng).

Phát hành ngày 30 tháng 12 năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 547/QĐ-CNS ngày 30 tháng 12 năm 2025

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY
TM. TỔ MUA SẮM
TỔ TRƯỞNG



Đỗ Thanh Hải

307
ÔNG
IG N
CH
MỘT
4 -

Chương I. YÊU CẦU NỘI BỘ BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên.
2. Tên đơn vị mua sắm là: Văn phòng Tổng Công ty
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu “Xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI” của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2)) Chương III;
3. Các nội dung cần thiết khác: Không có.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: 20 ngày (hai mươi ngày làm việc).

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử về địa chỉ: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên, địa chỉ số 58 – 60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh (ông Nguyễn Anh Khoa, số điện thoại: 0933237817, Email: khoana@cns.com.vn, Văn phòng Tổng Công ty) không muộn hơn 16 giờ 30 phút ngày 14/01/2026. Các báo giá được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện/fax/email và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (<https://cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: được quy định rõ biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trong nội dung hợp đồng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Yêu cầu đối với gói thầu mua sắm dịch vụ xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI.

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo đúng nội dung được nêu tại bảng sau trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Bảng số 1: Yêu cầu cung cấp hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	Các yêu cầu khác
1	Camera giám sát ra vào	Nhận diện gương mặt (nhiều người), tích hợp kiểm soát an ninh vào/ra	Đảm bảo theo thời gian quy định của nhà sản xuất	07 bộ	Khu vực lắp đặt 1) Tầng 1 – Cửa trước đường Nguyễn Tất Thành: + 01 camera tại cổng chính. + 01 camera tại Lễ Tân. 2) Tầng 1 – Cửa sau đường Đoàn Như Hải: + 01 camera tại cổng chính. + 01 camera tại Bảo vệ. 3) Tầng 1 – Cửa thoát hiểm đường Đoàn Như Hải: 01 camera. 4) Tầng Hầm B1: 02 camera tại lối vào và ra Hầm B1.
2	Thiết bị chấm công	Nhận diện gương mặt chuyên nghiệp, tích hợp chấm công		06 bộ	Khu vực lắp đặt 1) Tầng 1 – Cửa trước đường Nguyễn Tất Thành: + 01 thiết bị chấm công (TBCC) tại cổng chính. + 01 TBCC tại Lễ Tân. 2) Tầng 1 – Cửa sau đường Đoàn Như Hải: + 01 TBCC tại cổng chính. + 01 TBCC tại Bảo vệ. 3) Tầng Hầm B1: 01 TBCC tại cửa vào thang máy. 4) Tầng Hầm B2: 01 TBCC tại cửa vào thang máy
3	Vật tư phụ (dây mạng cat6, dây tính hiệu, vật tư khác)	Hàng thương hiệu, chất lượng tốt		01 bộ	Phục vụ thi công các vị trí lắp đặt theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Bảng số 2: Dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm thực hiện	Ngày hoàn thành
1	Bản quyền phần mềm chấm công bằng gương mặt AI và giám sát an ninh vào/ra tòa nhà	01	Gói	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiều, TP.Hồ Chí Minh	30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và có hiệu lực
2	Thi công, cài đặt, vận hành thử nghiệm	01	Gói		

Chi tiết yêu cầu về giải pháp chấm công bằng gương mặt AI:

a. Yêu cầu chính:

Giải pháp gồm 4 thành phần: hệ thống camera, thiết bị chấm công nhận diện gương mặt, phần mềm quản lý chấm công và ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.

- Chức năng hệ thống camera, thiết bị chấm công nhận diện gương mặt:
 - + Sử dụng hệ thống Camera kết hợp với phần mềm AI để nhận diện và xác thực khuôn mặt người dùng.
 - + Thuật toán tự học (ML) và xử lý hình ảnh để nhận diện khuôn mặt.
 - + Camera nhận diện cùng lúc nhiều người trong khung hình.
 - + Cảnh báo người lạ trong khuôn viên cần giám sát.
- Các chức năng chính của phần mềm quản lý chấm công như sau:
 - + Quản lý chấm công hằng ngày đối với cán bộ, người lao động.
 - + Kiểm soát, giám sát được thời gian ra vào của cán bộ người lao động thông qua nhận diện gương mặt.
 - + Kiểm soát được số lượng cán bộ người lao động làm việc hoặc vắng mặt tại toà nhà Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty vào từng thời điểm cụ thể.
 - + Xem được lịch sử thời gian ra vào Tổng Công ty đối với từng cá nhân cụ thể.
 - + Xuất được các báo cáo chấm công, báo cáo đi trễ hoặc về sớm theo từng đơn vị phòng ban.
 - + Hình thức chấm công đa dạng, có thể chấm công tại đơn vị làm việc hoặc khi đi công tác, đi thị trường,...
 - + Xin nghỉ phép, xin đi công tác, đi việc riêng trực tiếp trên ứng dụng phần mềm và duyệt đơn trực tuyến.
 - + Ứng dụng phần mềm quản lý trên nền tảng web và có ứng dụng (APP) cho thiết bị di động.
 - + Liên kết được với các phần mềm quản lý khác (quản lý nhân sự, quản lý công việc...).
 - + Phân quyền chấm công tại vị trí lắp đặt màn hình nhận diện khuôn mặt.
 - + Quản lý vị trí nơi đi công tác, đăng ký đi công tác, đi ra cổng cho việc riêng.

CHỖ
 Y
 IGON
 UHẠN
 EN
 CHÍN

10/10

- + Phần mềm được xây dựng trên nền tảng công nghệ mới, có khả năng nâng cấp và mở rộng.
- + Kiểm thử về an toàn thông tin cho phần mềm trước khi đưa vào sử dụng thực tế.
- Yêu cầu về ứng dụng trên thiết bị di động:
 - + Có ứng dụng (APP) sử dụng trên thiết bị di động với đầy đủ chức năng chính tương ứng với phần mềm quản lý chấm công như trên.
 - + Ứng dụng (APP) tương thích trên nhiều nền tảng di động khác nhau như Android và IOS.

b. Yêu cầu khác:

- Yêu cầu báo giá vận hành thử nghiệm cho giải pháp: chi tiết hạng mục; quy định, hướng dẫn liên quan; thời gian vận hành thử nghiệm.
- Báo giá bao gồm đầy đủ vật tư thi công, dịch vụ triển khai lắp đặt, cài đặt hệ thống.
- Yêu cầu về thời hạn bảo hành: thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.
- Yêu cầu kinh nghiệm và năng lực:
 - + Đã triển khai thực hiện thành công ít nhất 01 hợp đồng về Giải pháp chấm công bằng gương mặt AI.
 - + Khả năng triển khai tổng thể, bao gồm cả việc áp dụng công nghệ mới như AI, IoT và phân tích dữ liệu.
 - + Kinh nghiệm làm việc với các cơ quan nhà nước là một lợi thế.
- Địa điểm triển khai: Tòa nhà Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên, địa chỉ số 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: Xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI

Kính gửi: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 03a

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						M=M1+M2+...+Mn

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

07
ÔNG
NG
CH
MỘT
4

ph

Mẫu số 03a(2)

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: ____/____/HDDV/CNS – Tên doanh nghiệp/Đối tác

- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật An toàn thông tin ngày 19 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;
- Căn cứ Biên bản làm việc, thỏa thuận (nếu có);
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày __ tháng __ năm ____ tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên, các bên gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A): TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

- Địa chỉ trụ sở: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Mã số thuế: 0300713668 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 8 tháng 11 năm 2021).

- Điện thoại: 08.38.255999

Fax: 08.38.255858

- Email: cns@cns.com.vn

- Số tài khoản: [...] tại Ngân hàng: [...]:

- Đại diện: **Ông LÊ TẤN DƯƠNG** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 473/UQ-CNS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty)

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B) : TÊN DOANH NGHIỆP/ĐỐI TÁC

- Địa chỉ trụ sở: [...]

- Mã số thuế: [...]

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp lần đầu ngày [...]; cấp thay đổi (nếu có).

- Điện thoại:[...]

Fax: [...]

366
CÔNG
HIỆP S
HIỆM H
HÀNH
P. HỒ

ml

-Email:[...]

-Số tài khoản: [...] tại Ngân hàng:[...]

-Đại diện theo pháp luật: [...] Chức vụ:[...]

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng dịch vụ **“Xây dựng và triển khai giải pháp chấm công bằng gương mặt AI”** (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG – ĐƠN GIÁ

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

- 1. Nội dung - Phạm vi cung cấp dịch vụ: [...]**
- 2. Đơn vị tính:** Đồng Việt Nam.
- 3. Đơn giá: [...]**
- 4. Chất lượng/Yêu cầu đối với dịch vụ: [...]**
- 5. Hình thức cung cấp dịch vụ: [...]**

ĐIỀU 2. THỜI GIAN – CÁCH THỨC CUNG CẤP/TIẾP NHẬN DỊCH VỤ

- 1. Thời gian cung cấp dịch vụ**
- 2. Cách thức cung cấp/tiếp nhận dịch vụ**

a) Trước khi cung cấp dịch vụ Bên B cần thông báo trước cho Bên A trong thời hạn [...] ngày;

b) Các bên cử nhân sự đại diện để liên hệ, trao đổi, cung cấp thông tin cần thiết trong suốt quá trình Bên B cung cấp dịch vụ (kể cả thời gian bảo hành);

c) Sau khi cung cấp/tiếp nhận dịch vụ các bên cần ký biên bản xác nhận theo từng đợt hoặc toàn bộ dịch vụ;

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG - THANH TOÁN

- 1. Giá trị Hợp đồng**
- 2. Phương thức thanh toán**
- 3. Hồ sơ thanh toán**

Hồ sơ thanh toán bao gồm các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng (nếu có);
- b) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;
- c) Biên bản xác nhận hoàn thành dịch vụ/ công việc hợp lệ theo mẫu đính kèm Hợp đồng này;
- d) Biên bản thanh lý/ Thỏa thuận thanh lý, Thỏa thuận bảo mật thông tin... (nếu có).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

1. Quyền của Bên A

a) Yêu cầu Bên B cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên B giao đầy đủ các loại giấy tờ liên quan đến dịch vụ tại Hợp đồng này và các Phụ lục hợp đồng (nếu có);

c) Yêu cầu Bên B giữ bí mật thông tin (nếu có);

d) Yêu cầu Bên B cử nhân sự đại diện hoặc chỉ định nhân sự của Bên B thực hiện dịch vụ/ công việc (khi thấy cần thiết) trong quá trình cung cấp dịch vụ cho Bên A.

đ) Yêu cầu Bên B thông báo khối lượng/ tiến độ thực hiện dịch vụ theo định kỳ hàng tuần/tháng/quý/năm;

e) Yêu cầu Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận quy định tại Điều 5 của Hợp đồng;

g) Được quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự thực hiện dịch vụ nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng Bên A nhận thấy có sự không phù hợp hoặc có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng, thời gian thực hiện dịch vụ/công việc;

h) Được quyền ngừng thanh toán khi Bên B vi phạm tiến độ thực hiện dịch vụ hoặc khi Bên A nhận thấy chất lượng dịch vụ do Bên B cung cấp không đảm bảo theo thỏa thuận tại Hợp đồng này cho đến khi Bên B khắc phục xong trong thời hạn [...] ngày kể từ ngày vi phạm;

i) Được hưởng khoản tiền phạt theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng do Bên B vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc Bên B vi phạm thời gian/tiến độ thực hiện dịch vụ theo thỏa thuận;

k) Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Cử nhân sự đại diện Bên A trao đổi thông tin; cung cấp tài liệu phục vụ cho yêu cầu công việc; tiếp nhận dịch vụ/kết quả công việc và các nội dung khác có liên quan đến dịch vụ; phối hợp cùng Bên B trong quá trình Bên B thực hiện dịch vụ/công việc theo Hợp đồng;

b) Thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c) Hỗ trợ Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ/công việc theo Hợp đồng; giữ bí mật thông tin mà Bên B cung cấp cho Bên A (nếu có);

d) Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

1. Quyền của Bên B

a) Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu cung cấp dịch vụ/ thực hiện công việc;

TY
NGO
IUHA
IEN
CHI

Handwritten signature

b) Yêu cầu Bên A thanh toán tiền dịch vụ đầy đủ và đúng hạn theo Điều 3 Hợp đồng;

c) Yêu cầu Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật;

d) Được hưởng khoản tiền phạt theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng do Bên A vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Cử nhân sự đại diện cho Bên B và nhân sự thực hiện dịch vụ/ công việc đáp ứng theo yêu cầu của Bên A trong quá trình cung cấp dịch vụ/thực hiện công việc cho Bên A; thay đổi nhân sự thực hiện dịch vụ/công việc theo yêu cầu của Bên A (nếu có). Nhân sự do Bên B cử đến làm việc tại địa điểm của Bên A phải đảm bảo về năng lực, trình độ, kinh nghiệm để thực hiện nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A và chấp hành đúng các quy định về công tác an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định nội bộ khác của Bên A;

b) Hướng dẫn sử dụng dịch vụ khi Bên A yêu cầu;

c) Thông báo khối lượng dịch vụ/ tiến độ thực hiện công việc theo định kỳ hàng tuần/tháng/quý/năm cho Bên A;

d) Đảm bảo cung cấp đầy đủ dịch vụ về khối lượng, chất lượng, hiệu quả thời gian thực hiện dịch vụ/ công việc đã thống nhất tại Điều 2 của Hợp đồng;

đ) Cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến dịch vụ theo Hợp đồng cho Bên A;

e) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho Bên A khi cung ứng dịch vụ;

g) Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 6. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI - PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà gây thiệt hại (bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp) cho bên kia thì bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường.

2. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên A sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng [...] công bố tại thời điểm vi phạm tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị chậm thanh toán.

3. Trường hợp Bên B thực hiện dịch vụ/công việc trễ so với thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng [...] công bố tại thời điểm vi phạm tính trên giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện và số ngày trễ hạn nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị dịch vụ/công việc chậm thực hiện.

4. Phạt vi phạm 8% tổng giá trị hợp đồng áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

b) Khi một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực mà không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này hoặc việc chấm dứt Hợp đồng không phải do lỗi của bên kia.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

1. Các bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin liên quan tới Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có), thông tin mà mình nhận được từ phía bên kia.

2. Mỗi bên không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Mỗi bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

4. Điều khoản này vẫn còn hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này hết hiệu lực và các bên không còn hợp tác.

ĐIỀU 8. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng làm cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

2. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Chính phủ...

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, và trong thời gian [...] ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, sẽ chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

4. Bên thông báo việc họ không thể thực hiện hợp đồng do sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng đó.

5. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng hoặc khi sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG - TẠM NGỪNG THỰC HIỆN - CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi được sự thống nhất của các bên và thể hiện bằng văn bản.

2. Tam ngừng thực hiện Hợp đồng



Red

Một trong các bên được tạm ngừng thực hiện Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để tạm ngừng thực hiện Hợp đồng;

b) Khi một bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng.

3. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

a) Hợp đồng hết hiệu lực và các bên không gia hạn Hợp đồng;

b) Các bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

c) Một trong các bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do các bên thoả thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;

d) Sau khi các bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

4. Thanh lý Hợp đồng

a) Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, các bên tiến hành đối soát, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi bên theo Hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng.

b) Trong vòng [...] (*ghi bằng chữ: ...*) ngày kể từ ngày Hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, các bên phải ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Các bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.

2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này các bên thông nhất lựa chọn [...] để giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ [...]

2. Hợp đồng này gồm [...] (*bằng chữ*) trang, được lập thành 06 (*sáu*) bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 (*bốn*) bản, Bên B giữ 02 (*hai*) bản để theo dõi và thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A